

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HS-ST

Ngày: 15 - 3 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Biên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Rật.

2. Bà Dương Thị Vui.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2022/TLST- HS ngày 13 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2022 đối với:

**** Bị cáo: Lê Đức T - Sinh năm 1980 tại tỉnh Nam Định.***

Nơi cư trú: Tổ dân phố Nam Phú, thị trấn Liễu Đề, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông Lê Xuân Thạch, sinh năm 1949. Đã chết năm 2011 và con bà Lê Thị Mai, sinh năm 1952. Hiện đang làm ruộng tại thị trấn Liễu Đề, N, Nam Định; vợ: Vợ 1: Hoàng Thị Hoa, sinh năm 1981. Đã ly hôn; Vợ 2: Lò Thị Hoài, sinh năm 1986. Đã ly hôn, con: Chưa; tiền sự: Không, tiền án: Ngày 30/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 9 tháng tù về tội “ Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức. Bị cáo Lê Đức T bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 21/12/2021 đến ngày 24/12/2021 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Đức T là bà Trần Thị Bình, trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nam Định; có mặt.

**** Người liên quan: Anh Vũ Trường Vân – Sinh năm 1977;***

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đoài, thị trấn Liễu Đề, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

** Người làm chứng:*

1. Anh Vũ Văn Sỹ – Sinh năm 1985; vắng mặt.
2. Anh Nguyễn Văn Toàn – Sinh năm 1983; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ, ngày 21 tháng 12 năm 2021, Lê Đức T điều khiển xe mô tô biển số 18L1- 27387 đi từ nhà đến khu vực đoạn đường gần nhà nghỉ Tuấn Vũ, ở thị trấn Liễu Đề, N, Nam Định mua của một người đàn ông tên Thiêm, ở Tổ dân phố Đoài, thị trấn Liễu Đề, N, Nam Định 01 gói ma túy đá với giá 300.000 đồng, mục đích để sử dụng. Sau khi mua được ma túy, T cất giấu vào túi quần. Đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, T đang đi về nhà thì bị tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Nam Định phối hợp với Công an thị trấn Liễu Đề, huyện N phát hiện bắt quả tang. Thu giữ trong túi quần dài bên phải phía trước T đang mặc 01 gói ni lông màu trắng, bên trong có chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng (Niêm phong kí hiệu A). Tạm giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu IteL, màu xanh đen, lắp sim 1 có số thuê bao 0826.558.815 và sim 2 có số thuê bao 0976.022.569; 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave α màu đỏ đen bạc, biển số 18L1- 27387. Tổ công tác đã đưa T về Ủy ban nhân dân thị trấn Liễu Đề lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại bản kết luận giám định số 51/GĐKTHS ngày 22 tháng 12 năm 2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định, kết luận: Mẫu các hạt tinh thể rắn màu trắng trong 01 túi ni lông màu trắng, trong phong bì thư được niêm phong ký hiệu A gửi giám định đều là ma túy. Loại ma túy: Methamphetamine. Khối lượng mẫu A: 0,230 gam.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và tại phiên toà, Lê Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 12/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà hôm nay Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Lê Đức T từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù; đề

ngiht không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự để xử lý vật chứng của vụ án; đề nghị áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay qua xét hỏi và tranh luận bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người làm chứng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về định tội: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo ra trước phiên toà hôm nay. Như vậy đã đủ cơ sở xác định: Khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại khu vực đường dong thuộc tổ dân phố Nam Phú, thị trấn Liễu Đề, N, Nam Định, Lê Đức T có hành vi tàng trữ trái phép 0,230 gam Methamphetamine, mục đích để sử dụng thì bị tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Nam Định phối hợp với Công an thị trấn Liễu Đề, huyện N phát hiện bắt quả tang. Hành vi của bị cáo Lê Đức T đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Hành vi đó của bị cáo đã xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội trong khu vực, làm ảnh hưởng đến nếp sống văn hoá của dân tộc. Hành vi của bị cáo đã gây nên dư luận xấu trong

nhân dân ở khu vực. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử công khai, lên án xử lý nghiêm minh là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 30/11/2018, Lê Đức T bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xử phạt 9 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”, chưa được xóa án tích đến ngày 21/12/2021 lại thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên bị cáo Lê Đức T bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị can được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tập trung cải tạo đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo còn sống phụ thuộc gia đình không sở hữu tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 phong bì niêm phong số 51/GĐKTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định hoàn trả sau giám định, xét cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, màu xanh đen, lắp sim 1 có số thuê bao 0826.558.815 và sim 2 có số thuê bao 0976.022.569, quá trình điều tra xác định không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị can Lê Đức T. Tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave α màu đỏ đen bạc, biển số 18L1- 27387 tạm giữ của T, là xe mô tô T mượn của anh Vũ Trường Vân, sinh năm 1977, ở Tổ dân phố Đoàn, thị trấn Liễu Đề, N, Nam Định, anh Vân không biết việc T sử dụng xe mô tô để đi mua ma túy nên đã trả lại cho anh Vân là chủ sở hữu. Anh Vân không có đề nghị thêm là phù hợp.

[6] Đối với người đàn ông tên Thiêm, ở Tổ dân phố Đoàn, thị trấn Liễu Đề, N, Nam Định là người bán ma túy cho T hiện chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ

thể. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiếp tục điều tra, xử lý sau là phù hợp.

[7] Bị cáo Lê Đức T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo Lê Đức T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Xử phạt bị cáo Lê Đức T 21 (Hai mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2021.

3. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì niêm phong số 51/GĐKTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định hoàn trả sau giám định.

Hoàn trả Lê Đức T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu xanh đen, lắp sim 1 có số thuê bao 0826.558.815 và sim 2 có số thuê bao 0976.022.569 nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án

Toàn bộ vật chứng của vụ án đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện N lập ngày 17/01/2022.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Đức T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS nhân dân Tỉnh + huyện;
- Công an huyện;
- Cơ quan thi hành án dân sự;
- Bị cáo;
- UBND thị trấn Liễu Đề;
- Án văn + lưu hồ sơ;
- Thi hành án phạt tù.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Biên